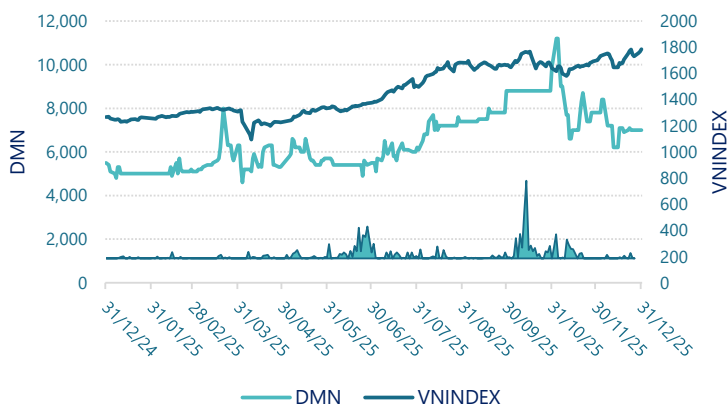


CTCP Domenal (UPCOM: DMN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	300
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
P/E	4.0
EPS	1,751

DT thuần

Q4/25

306

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0 | 16.8%

YoY: ▲ 116 | 61.0%

LN sau thuế

Q4/25

2.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 2.79 | -51.0%

YoY: ▲ 11.4 | 131%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.2%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

978

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 174 | 21.7%

LN sau thuế

2025

21.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.1 | 477%

ROE

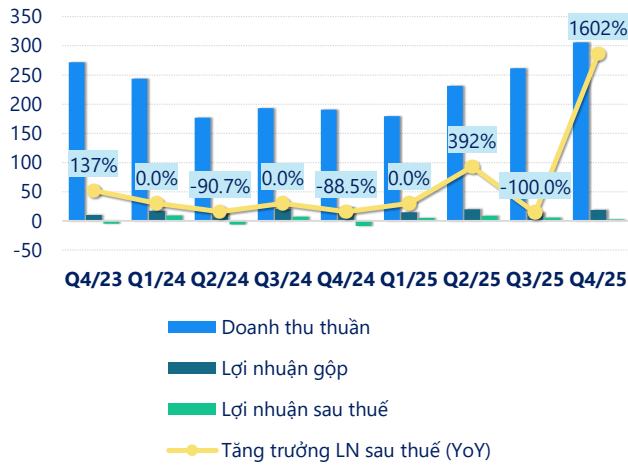
2025

13.1%

+/- YoY: ▲ 10.7%

tỷ VNĐ

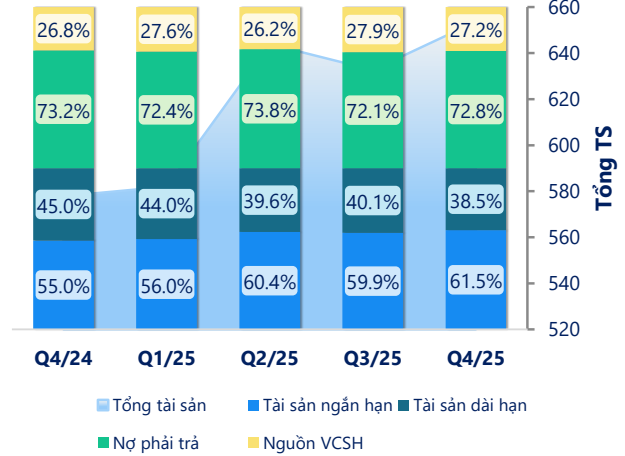
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

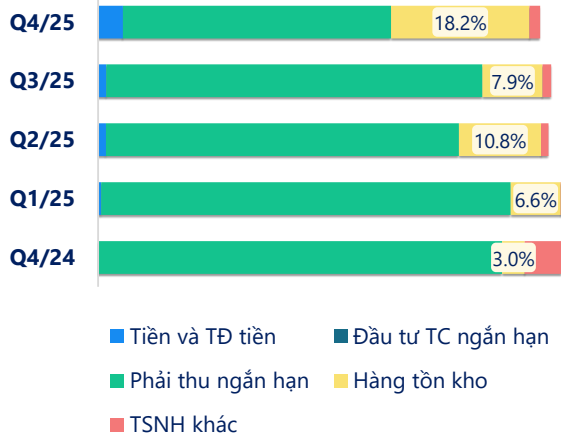
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



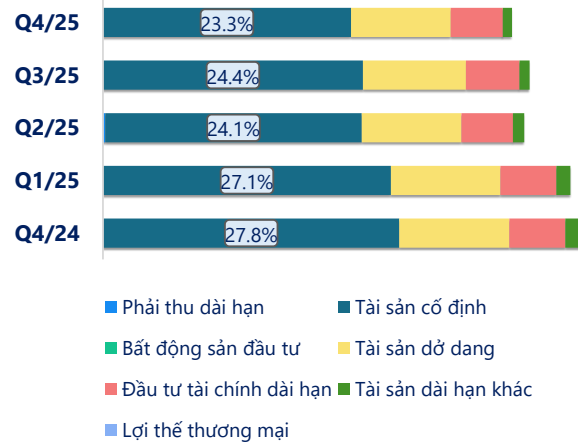
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

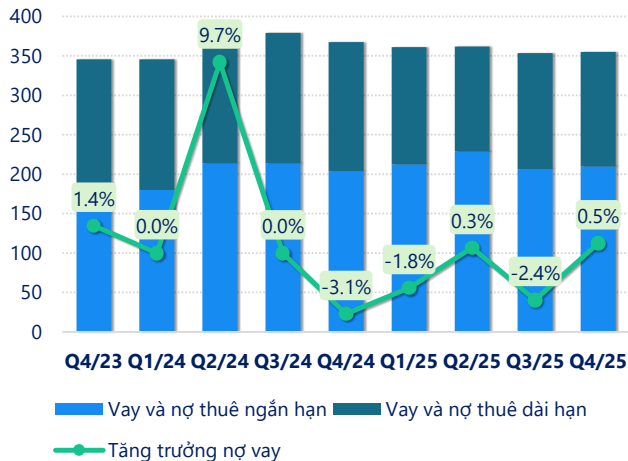
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

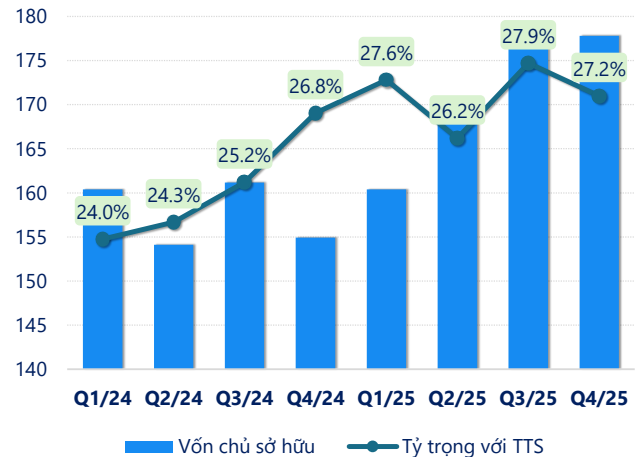
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

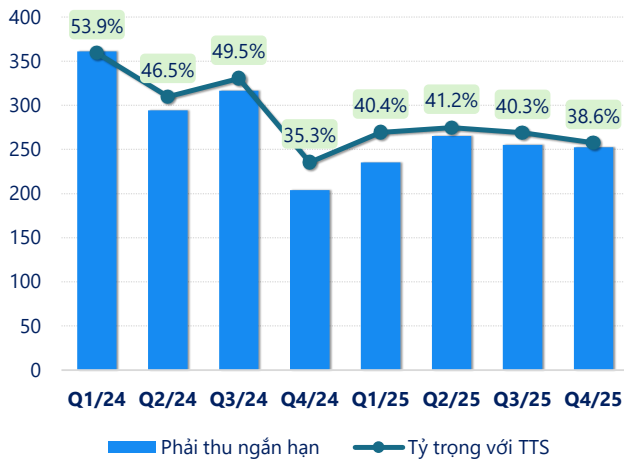
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



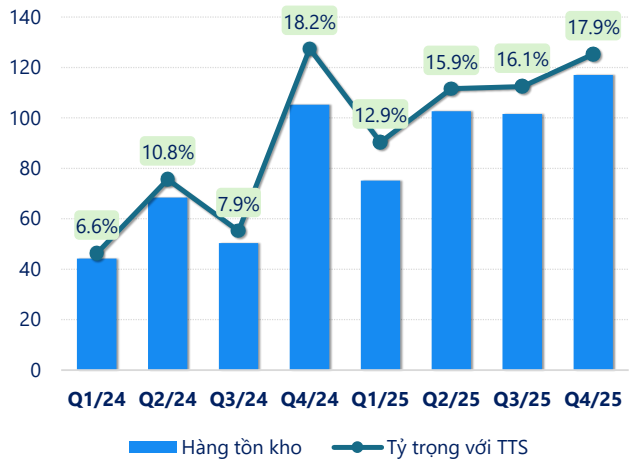
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


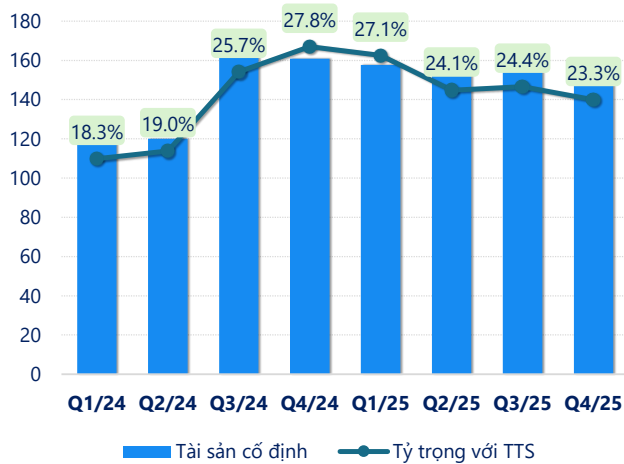
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


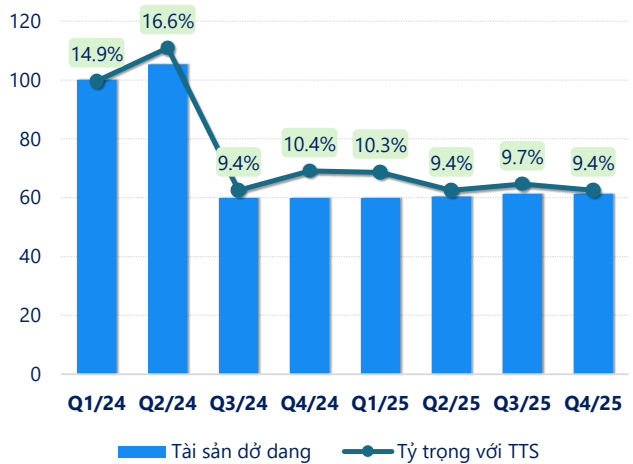
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

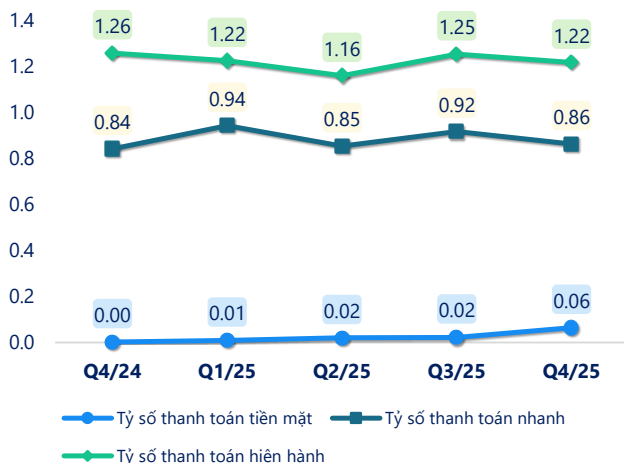
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

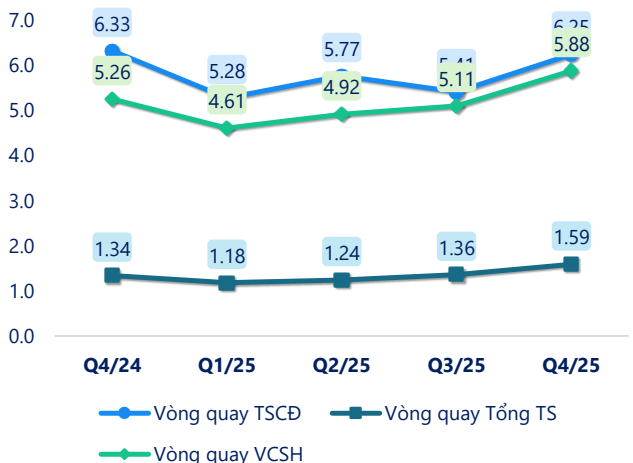
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	578	582	644	633	654
Tài sản ngắn hạn	318	326	389	379	402
Tiền và tương đương tiền	0.55	2.42	6.76	6.80	21.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	4.00	4.00	4.00	8.00
Phải thu ngắn hạn	204	235	265	255	252
Hàng tồn kho	105	75.1	103	102	117
Tài sản ngắn hạn khác	8.23	9.55	10.1	11.2	3.34
Tài sản dài hạn	260	256	255	254	251
Phải thu dài hạn	0.13	0	1.38	0	0
Tài sản cố định	161	158	155	155	152
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	59.9	59.9	60.4	61.3	61.3
Đầu tư tài chính dài hạn	30.3	30.6	31.1	31.7	32.0
Tài sản dài hạn khác	8.61	7.73	6.89	6.16	5.71
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	423	422	475	456	476
Nợ ngắn hạn	253	266	335	302	330
Vay và nợ thuê ngắn hạn	204	212	229	206	210
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	24.3	78.4	65.7	38.3
Nợ dài hạn	170	155	140	154	145
Vay và nợ thuê dài hạn	164	149	133	147	145
Nguồn vốn chủ sở hữu	155	160	169	177	178
Vốn chủ sở hữu	155	160	169	177	178
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)